

Bài báo nghiên cứu**ĐIỂM NHÌN VÀ GIỌNG ĐIỀU TRẦN THUẬT
KHI MIÊU TẢ NHÂN VẬT ANH HÙNG
TRONG TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ VIỆT NAM SAU 1975****Trần Thị Nhật, Nguyễn Thị Thu Hằng****Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam***Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thu Hằng – Email: ntthang@sgu.edu.vn**Ngày nhận bài: 01-3-2021; ngày nhận bài sửa: 06-4-2021; ngày duyệt đăng: 24-4-2021***TÓM TẮT**

Bài viết này nghiên cứu điểm nhìn và giọng điệu trần thuật trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1975 về miêu tả nhân vật anh hùng. Từ nhiều góc độ khác nhau của người kể chuyện, các tác giả đã khắc họa hình tượng những nhân vật anh hùng trong lịch sử một cách sinh động và đa dạng. Khi kể chuyện bằng ngôi thứ ba, nhân vật anh hùng lịch sử xuất hiện với ngoại hình và thần thái hơn người, toát lên ánh hào quang thần thánh và là nỗi khiếp sợ của quân thù. Khi thâm nhập vào thế giới bên trong nhân vật để trần thuật, từ điểm nhìn chủ quan này, người trần thuật đã sử dụng ngôn ngữ nửa trực tiếp cùng độc thoại nội tâm. Lúc này, nhân vật anh hùng dân tộc cũng mang những giận hờn, yêu ghét, thậm chí phàm tục, đam mê và khát vọng. Sự linh hoạt di chuyển điểm nhìn trần thuật cùng sự thay đổi và kết hợp nhiều giọng điệu kể chuyện: ngợi ca hào sảng, trầm buồn, trữ tình, triết lý hay chiêm nghiệm đã góp phần làm nên thành công trong việc xây dựng nhân vật anh hùng. Qua phân tích điểm nhìn và giọng điệu trần thuật, bài viết cho thấy sự vận động của thể loại tiểu thuyết lịch sử Việt Nam, cũng như năng lực sáng tạo và sự đóng góp của các nhà văn sau 1975 trong việc miêu tả nhân vật lịch sử.

Từ khóa: tiểu thuyết lịch sử; nhân vật anh hùng; điểm nhìn; giọng điệu

1. Dẫn nhập

Sau năm 1975, sự cởi trói của tư duy cho phép nhà văn có được một nhãn quan mới về lịch sử. Sự “lạnh lùng” và “tàn nhẫn” của cái nhìn khoa học về lịch sử đã đưa lại cho nhà văn một khả năng mới vượt lên “khoảng nhiễu xạ của cảm xúc” để đưa sáng tác của mình vươn tới một chân trời mới. Viết về đề tài lịch sử, tuy các nhà văn vẫn dựa trên các sự kiện, nhân vật, biến cố của các vương triều nhưng các nhà tiểu thuyết đã đặt ưu tiên thể hiện lịch sử, nhận thức, soi chiếu lịch sử thông qua bút pháp “đã sử”. Bằng chiến lược này, tiểu thuyết lịch sử sau 1975 đã có sự vận động đổi mới, cách tân trong nội dung cũng như nghệ thuật thể hiện. Một trong những yếu tố làm nên sức hấp dẫn của nó là sự đổi mới trong phương

Cite this article as: Tran Thi Nhat, & Nguyen Thi Thu Hang (2021). A narrative view and tone when depicting a heroic character in Vietnamese historical novels after 1975. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 18(4), 731-744.

thức xây dựng nhân vật. Khi tìm hiểu phương thức xây dựng nhân vật anh hùng trong tiểu thuyết lịch sử giai đoạn này, chúng tôi nhận thấy, bên cạnh việc đặt nhân vật anh hùng vào những tình huống gay cấn căng thẳng, kết hợp nhiều thủ pháp nghệ thuật để miêu tả, các tác giả đã khéo léo vận dụng điểm nhìn và giọng điệu trần thuật như một trong những phương thức thú vị nhằm khắc họa tính cách nhân vật và thể hiện phong cách kể chuyện của mình. Đó chính là sự kết hợp nhuần nhuyễn, sự tiết chế hợp lí giữa điểm nhìn khách quan và chủ quan, giữa người kể chuyện và nhân vật, giữa nhân vật với nhân vật, giữa nội tâm và sự đối thoại. Sự kết hợp này đã tạo điều kiện để nhà văn đi sâu vào thế giới tâm hồn nhân vật, khắc họa những đau đớn, bi kịch, những giằng xé phức tạp, góp phần lột tả chiều sâu của tính cách. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1975 ngày càng thể hiện rõ hơn những trăn trở, suy tư của nhà văn hướng về hiện tại, những câu hỏi mang màu sắc đối thoại dành cho mỗi độc giả. Sự thay đổi này phù hợp với thời đại, ngữ cảnh và sự tiếp nhận của người đọc.

2. Nội dung

2.1. Điểm nhìn trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1975

2.1.1. Điểm nhìn khách quan

Trước 1975, điểm nhìn trong tiểu thuyết lịch sử chủ yếu là điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn của người kể chuyện ngôi thứ ba. Nhiều nhà tiểu thuyết giai đoạn này đã đứng trên quan điểm của một người kể chuyện “biết hết” để phản ánh, nhìn nhận lịch sử. Bằng cách này, họ nuốn cung cấp cho bạn đọc một cái nhìn khách quan, chân thực về lịch sử (không khác xa so với chính sử). Trong tiểu thuyết lịch sử của Tân Dân Tử, Nguyễn Chánh Sắt, Phạm Minh Kiên, Phan Trần Chúc, Nguyễn Triệu Luật, Nguyễn Huy Tường, Hà Ân... nhiều trang viết khá giống với loại “kể chuyện lịch sử”. Sau 1975, điểm nhìn trong tiểu thuyết lịch sử trở nên đa dạng và linh hoạt hơn, kết hợp điểm nhìn khách quan và chủ quan, điểm nhìn bên ngoài và bên trong, điểm nhìn tác giả và điểm nhìn nhân vật.

Với các tiểu thuyết lịch sử mà điểm nhìn khách quan chiếm ưu thế (*Phùng Vương* của Phùng Văn Khai; *Tây Sơn bi hùng truyện* của Lê Đình Danh; *Tám triều vua Lý*, *Bão táp triều Trần* của Hoàng Quốc Hải; *Thông reo Ngàn Hóng* của Nguyễn Thế Quang...), người kể chuyện có thể mạnh bao quát bức tranh toàn cảnh (các sự kiện, biến cố lịch sử), có khả năng tạo ra quan điểm chính thống để “dẫn dắt” người đọc. Nhà văn cũng dễ dàng đẩy nhanh mạch thời gian tự sự.

Trong *Bão táp triều Trần*, với điểm nhìn khách quan là chủ yếu, Hoàng Quốc Hải đã bám sát các sự kiện lịch sử. Với hơn 2000 trang sách, tác giả đã phục dựng đầy thuyết phục cả một thời đại từ khởi nghiệp, hưng thịnh đến suy tàn dài tới 175 năm của nhà Trần, trong đó khoảng gần một nửa số trang thể hiện sinh động ba cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông oanh liệt của người dân Đại Việt. Gương mặt hàng loạt nhân vật anh hùng hiện ra sáng rõ như Phạm Ngũ Lão, Trần Hưng Đạo, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Trần Quốc Toản...; các bậc liệt nữ như An Tư công chúa, Huyền Trân công chúa; các vị vua anh minh,

sáng suốt và đầy dũng khí như Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông... Hoàng Quốc Hải không chỉ phục dựng không khí, sự kiện, chiến công trong quá khứ, mà qua đó ông muốn tôn vinh truyền thống văn hóa, lòng tự tôn dân tộc, ý chí quật cường của cha ông. Qua bộ tiểu thuyết đồ sộ, thái độ của nhà văn cũng thể hiện rất rõ ràng, như ông từng tâm sự: “Khát vọng của tôi là muốn mở to đôi mắt nhìn vào quá khứ, thấy được những điều kì diệu, và cả những khổ đau xưa cha ông ta đã tạo dựng và ném trái” (Lời tựa tiểu thuyết *Bão táp cung đình*).

Trong các tiểu thuyết *Ngô Vương* của Phùng Văn Khai, *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác, *Sương mù tháng Giêng* của Ưông Triều, *Trần Quốc Toản* của Lưu Sơn Minh, khi miêu tả các sự kiện lịch sử trọng đại, những trận đánh lớn..., các nhà văn cũng thường dùng điểm nhìn khách quan, kèm theo những đánh giá, ngợi ca của nhà văn. Một cảnh chiến trận trong tiểu thuyết *Trần Quốc Toản* của Lưu Sơn Minh được miêu tả:

Khi thấy viên tướng Việt trẻ măng hoành giáo cản đường gã, Hắc Địch vung cây thương và thúc ngựa xông vào. Và chỉ khi đối trận, gã mới biết rằng mình đã quá coi thường địch thủ. Cây giáo cán mềm của viên tướng Việt cứ uốn lượn như một con rồng trắng, xoắn xuýt lấy cây thương của Hắc Địch khiến gã không sao phô diễn được hai mươi bảy đường thương tuyệt kĩ gia truyền. Mũi giáo sắc nhọn cứ lướt qua lướt lại trước mặt gã như trên người rồi chỉ nhè những chỗ yếu hại mà đâm tới. Đau nhất là viên tướng trẻ con đâm ngang ngọn giáo vào mặt gã rồi giật tung những sợi râu quai nón xù xì đang xoắn lại vì bụi đường lẫn mồ hôi... (Luu, 2017, p.161-162).

Với điểm nhìn khách quan là chủ yếu, Trần Thanh Cảnh đã xây dựng nhân vật Trần Hưng Đạo vừa vĩ đại, cao cả, vừa gần gũi, quen thuộc. Từ ngoại hình, thần thái, dáng vẻ đến lời nói, suy nghĩ, hành động, ngài luôn toát lên ánh hào quang thần thánh, những phẩm chất hơn người của một “thiên tướng nhà trời”, một “thánh nhân” mang “thiên mệnh cứu giúp hộ trì cho muôn dân vượt qua cơn binh lửa tàn khốc”. Với võ công cái thế, sức mạnh phi thường, thần thái uy nghiêm, tài đức trọn vẹn, vị tướng nhà Trần vừa có sức hút kì lạ với những người xung quanh, vừa là nỗi khiếp sợ kinh hoàng cho quân xâm lược. Trong cuộc chiến một mất một còn với quân Nguyên, Hưng Đạo Đại Vương chính là biểu hiện cho sức mạnh bất diệt của dân tộc Đại Việt, là linh hồn, điểm tựa tinh thần giúp quân dân Đại Việt vượt qua những khó khăn, thử thách. Ngài sẵn sàng quên đi “thù riêng”, chủ động hòa giải sự đối kháng ngầm giữa hai chi trường - thứ, bỏ ngoài tai những lời gièm pha, tập trung mọi sức lực, tâm trí vì lợi ích quốc gia dân tộc, vì bình yên, hạnh phúc của bách tính muôn dân.

2.1.2. Điểm nhìn chủ quan

Điểm nhìn chủ quan hay điểm nhìn bên trong là điểm nhìn mà ở đó, tác giả nhập thân vào nhân vật, trần thuật theo quan điểm nhân vật. Điểm nhìn này có thể được thể hiện bằng lời trần thuật nửa trực tiếp và lời độc thoại nội tâm. Một số tiểu thuyết lịch sử mà nhà văn chú trọng đến điểm nhìn chủ quan (*Giàn thiêu* của Võ Thị Hào, *Hội thề* của Nguyễn Quang Thân, *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh, *Đất trời* của Nam Dao...), lại có thể mạnh trong soi

chiếu vào thế giới nội tâm nhân vật anh hùng, miêu tả kỹ những đấu tranh, giằng xé của họ, mạch thời gian tự sự chậm lại, các sự kiện lịch sử như trôi đi chậm hơn.

Trong *Đất trời* của Nam Dao, nhân vật Nguyễn Trãi được soi chiếu từ cả bên ngoài và bên trong. Ở nhiều trang, nhà văn cố gắng thâm nhập vào nội tâm Nguyễn Trãi, xây dựng Nguyễn Trãi vượt thoát khỏi cách hình dung vốn có của người đọc. Ông để Nguyễn Trãi trở thành nhân vật đầy cá tính và nhiều mâu thuẫn, là nhân vật của những bi kịch kép. Trong con người Nguyễn Trãi tồn tại nhiều cực đối cực: lí tưởng nhập thế và tâm lí thoát li; ý chí, nghị lực và sự buông xuôi, tiêu cực; niềm tin và sự thất vọng, tình yêu trong sáng và sự đam mê dục tính... Nhân vật nhiều khi đau khổ, tự vấn: “Trãi bỗng nhận ra sự yếu đuối của thể xác là một bất công của đấng cao xanh. Chử với nghĩa, giờ tích sự gì?” (Nam Dao, 1999, p.75); “Trong cái thế người bị trị cổ kê dưới lưỡi đao đầu kiếm, có sao ta vẫn cứ một điều nhân nghĩa, hai điều tâm công?... Có sao cứ phải lập lại một *Luận ngữ*, *Trung dung*?... rằng Đạo Thánh là của chung thiên hạ nhưng làm theo đạo thì mỗi nơi một phách, chẳng qua chẳng đặng đừng?” (Nam Dao, 1999, p.92).

Trong *Hội thề*, Nguyễn Quang Thân có nhiều trang thành công soi chiếu nhân vật Lê Lợi từ bên trong. Bằng cách để cho nhân vật tự bộc bạch những suy nghĩ thầm kín của mình, tác giả đã khắc họa một Lê Lợi sáng suốt, sắc sảo, đồng thời cũng là một con người “noi sơn dã” nhiều dục vọng, lắm nghi kỵ nhỏ nhen. Lê Lợi hiểu hơn ai hết mình là ai, mình muốn gì; hiểu thấu giá trị to lớn của trí thức nhưng không sao bỏ được cái “máu ghét học trò”; vừa muốn mình là thánh lại vừa “không tin mình là vị thánh giáng trần” (Nguyen, 2009, p.124); “ông thừa nhận mình cũng có nhiều dục vọng bản năng của một con người noi sơn dã và rất sung sướng khi những dục vọng ấy được thỏa mãn” (Nguyen, 2009, p.125). Ông cảm thấy “sự khốn khổ” của kẻ làm vua, “muốn “tự nhiên nhi nhiên”. Ông buộc lòng phải cao cả, phải anh hùng mà thôi... “Tại sao ta không giữ cô thôn nữ với mùi hương làm lòng ta tan nát ấy lại?” (Nguyen, 2009, p.125). Những câu hỏi của Lê Lợi vừa tạo tính đối thoại, vừa tạo sự kịch tính, vừa diễn tả chân thực những giằng xé, dằn vặt không thể thổ lộ, giải bày cùng ai. Nguyễn Trãi trong *Hội thề* cũng được nhà văn trao điểm nhìn bên trong để có thể tự bộc lộ những suy nghĩ về chủ tướng, về tướng lĩnh Lam Sơn, về thân phận của bản thân. Trong dòng độc thoại nội tâm của Nguyễn Trãi, có thể thấy những day dứt, đau đớn của ông trước sự ghẻ lạnh của những người anh em mà ông từng yêu mến:

Ông có thù oán gì họ không? Không, thật lòng là không. Ông cảm phục lòng dũng cảm gan góc xả thân của họ, so với họ thì bọn có học như Lương Nhữ Hốt chỉ là chó lợn mà thôi. Ông thương yêu họ, thành tâm muốn gần gũi với họ dù cứ bị hắt ra như người ta coi chừng một kẻ lạc loài gian manh, sớm đầu tói đánh bên cạnh mình (Nguyen, 2009, p.258).

Nguyễn Trãi còn tự soi chiếu mình trong việc bộc lộ lòng trung thành với chủ tướng: “Ông chỉ là bày tôi trung thành với chủ tướng chứ không thể là bằng hữu, chưa bao giờ là bằng hữu như bọn Ván hay Sát” (Nguyen, 2009, p.152); “Ông luôn là khách giữa đám quần thần tướng lĩnh của một triều đại đang bắt đầu sửa soạn ngôi thứ. Họ là người nhà, còn ông

là khách, mãi mãi là khách” (Nguyen, 2009, p.258). Trong lời tự vấn, nhà văn đã để nhân vật Nguyễn Trãi hiện ra với những đau buồn, xót xa rất người sau những cố gắng thể hiện lòng trung thành nhưng vẫn bị Lê Lợi nghi ngại, vừa tôn trọng vừa xa cách.

Trong *Hồ Quý Ly*, Nguyễn Xuân Khánh đã nhìn nhận nhân vật lịch sử với những khía cạnh mới, con người với đủ mọi giận hờn, yêu ghét, với những phẩm chất rất đời thường, con người của khát vọng và bi kịch. Hồ Quý Ly, ngoài phẩm chất của một vĩ nhân, còn tồn tại những nét đời thường, thậm chí phàm tục. Ông là cả một sự phức tạp và mâu thuẫn, có nhìn xa trông rộng và thiển cận, có nhân ái và tàn bạo, có ảo tưởng và thực tế... Người kể chuyện đã hóa thân vào nhân vật, đi sâu vào tâm hồn luôn dậy sóng của ông:

Còn ông, đêm ngày ông phải bận rộn, tâm trạng lúc nào cũng khắc khoải, cuồng nộ. Và những đam mê, những khát vọng cho đến lúc thành tựu, thực bụng lúc đó ông thấy kiêu hãnh và thỏa mãn... Cái đó có gọi là hạnh phúc không nhỉ? Còn tham vọng thì vẫn như những đợt sóng; đợt này qua, đợt khác tới. Và ông lại say sưa đi tìm những tham vọng mới... (Ho, 2006, p.548-549).

Có khi người kể chuyện đi sâu vào tiềm thức nhân vật, buộc nhân vật phải đối diện với lương tâm mình: “Nghệ Vương! Ông hãy bình tĩnh lại đi! Hãy hiểu cho tôi... Hãy hiểu đến lẽ tuân hoàn...”; “Quý Ly đau một cái đau khủng khiếp, điếng dại cả tâm hồn...” (Ho, 2006, p.459). Những lời nói của Quý Ly trong giấc mơ chính là sự tự biện hộ cho mình khỏi sự phán xét của tòa án lương tâm. Sau những cải cách được thi hành một cách nóng vội và không hiệu quả, Quý Ly luôn trần trọc suy nghĩ: “Thái sư thờ dài. Ông hiểu rằng chế độ mới được thi hành còn nhiều trục trặc. Đứng là ban đầu người dân có thể khổ hơn. Tuy nhiên Thái sư đang nghĩ ra những giải pháp...” (Ho, 2006, p.537). Khám phá đến tầng sâu kín nhất của tâm hồn, người kể chuyện nhìn thấy một Hồ Quý Ly là con người cô đơn tột cùng trên đỉnh cao quyền lực. Quý Ly khao khát có được một người hiểu mình. Khi Công chúa Huy Ninh mất đi, nỗi cô đơn của Quý Ly càng trở nên lớn lao: “Vì thế, khi bà mất, ông thấy choáng váng cô đơn. Những người như ông cô đơn là bạn đồng hành. Ông kiêu hãnh vì sự cô đơn ấy. Thậm chí, ông nghĩ phải có sự cô đơn, ông mới làm nên sự nghiệp lớn...” (Ho, 2006, p.549). Ở đây, với điểm nhìn từ bên trong, những đau khổ, bi kịch của nhân vật được thể hiện một cách tự nhiên, chân thực.

2.1.3. Kết hợp linh hoạt nhiều điểm nhìn

Trong nhiều tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1975, khi miêu tả nhân vật anh hùng, các nhà văn thường chú ý kết hợp linh hoạt nhiều điểm nhìn. Điểm nhìn trần thuật luôn dịch chuyển giữa khách quan và chủ quan, giữa người kể chuyện và nhân vật, giữa các nhân vật với nhau. Các tác phẩm thể hiện rõ sự dịch chuyển điểm nhìn trần thuật linh hoạt là *Đất trời* của Nam Dao, *Hội thề* của Nguyễn Quang Thân, *Sông Côn mùa lũ* của Nguyễn Mộng Giác, *Búp sen xanh* của Sơn Tùng...

Chẳng hạn, trong *Hội thề*, điểm nhìn trần thuật thay đổi và dịch chuyển liên tục, từ điểm nhìn khách quan sang điểm nhìn chủ quan. Người trần thuật lúc thì đứng bên ngoài

miêu tả chân dung, lời nói, hành động của nhân vật anh hùng; có lúc lại dịch chuyển điểm nhìn vào bên trong để khám phá chiều sâu trong tâm hồn, tâm lí, tính cách nhân vật. Khi xây dựng hình tượng người anh hùng Lê Lợi, Nguyễn Quang Thân đã khéo léo sử dụng thủ pháp dịch chuyển điểm nhìn từ bên ngoài vào bên trong: “Bình Định vương Lê Lợi ngồi trước án thư. (...) Ông đọc binh pháp Tôn Tử. Thật mệt. (...) Trông ông bất yên, buồn ngủ nhưng không ngủ được” (Nguyen, 2009, p.9-10). Từ ngôn ngữ trực tiếp chuyển dần sang ngôn ngữ nửa trực tiếp bày tỏ sự đồng cảm trước vẻ mệt mỏi, có phần chán nản của Bình Định vương khi ngồi trước quyển binh pháp ken đầy chữ nghĩa nhưng thường “nhảy múa” trước mặt ông. Với Nguyễn Trãi cũng vậy. Nhà văn để Nguyễn Trãi suy nghĩ về mình, về chủ tướng, về thời cuộc. Ngôn ngữ miêu tả nhanh chóng nhập vào thế giới nội tâm:

Trãi thấy mắt cay xè (...) Ông thấy thương xót nhà vua. Người có bản năng làm người mạnh mẽ, người cũng đòi hỏi được yêu, được ân ái, được chiều chuộng, được chăm sóc như ai. Nhưng người phải làm tướng, phải làm vua! Gánh trên vai người quá nặng (Nguyen, 2009, p.84).

Trong *Sông Côn mùa lũ*, Nguyễn Mộng Giác thường sử dụng linh hoạt cả điểm nhìn bên ngoài và bên trong, lời trực tiếp và nửa trực tiếp để thể hiện những mâu thuẫn nội tâm của Nguyễn Huệ. Nhà văn đặt nhân vật vào trạng thái cô đơn, phải đối diện, tự vấn với chính mình. Khi nghe tin An lấy chồng, nhiều chữ “nếu” đặt ra trong đầu Huệ:

Nhiều chữ nếu đặt ra đầu những câu giả thiết, và câu nào cũng gây cho anh sự tiếc nuối... Tại sao nàng lại có thể yêu thương một người như thế được? Nàng có làm lần không? Nàng làm lần về hắn ta hay làm lần về nàng? Câu hỏi oái oăm đó lại quấy rầy Huệ. Anh cảm thấy choáng váng phải đưa tay lên chống trán (Nguyen, 2006a, p.710).

Huệ đấu tranh với bản thân khi đứng trước cửa nhà ông giáo vào cái đêm trước ngày An cưới: “Anh mạnh dạn quay lại đường cũ. Nhưng đến ngã rẽ vào nhà thầy, anh lại nghĩ: “Thầy đi khép cửa sổ, tức là sắp đi ngủ. Vào quấy rầy Thầy lúc này có tiện không?... Ta đến đây làm gì? Để nói gì với Thầy? Với nàng? Ta có điên chưa mà toan tính rồ dại vậy? (Nguyen, 2006a, p.699). Những suy tư trăn trở của Huệ trong đêm ở Thăng Long, suy nghĩ những giải pháp về vấn đề Bắc Hà:

Ông phải làm gì đây? Họ Trịnh đã bị lật đổ khỏi phủ chúa... Chế độ vũ trị không thể kéo dài. Quyền hành sau này sẽ thuộc về ai? Giao vận mệnh xứ sở xa lạ này (cái xứ sở ông mới quen có hai tháng ngắn ngủi) cho sự đau yếu bạc nhược, hay cho sự sợ hãi? Và lại anh ông ở Quy Nhơn đang nghĩ gì khi được tin ông đã đem đại quân vượt qua Luỹ Thầy? (Nguyen, 2006b, p.603);

Ta dừng lại chặng? Ta bằng lòng đứng bên này Luỹ Thầy nhìn ra phía Bắc như một kẻ ngoài cuộc, để mặc cho Nguyễn Hữu Chỉnh, họ Lê, họ Trịnh, quận Thạc, quận Liễu cùng lũ quan thị xâu xé nhau giữa một đất nước tan hoang... (Nguyen, 2006c, p.39).

Trong *Bão táp cung đình*, khi nói về Trần Thủ Độ, Hoàng Quốc Hải luôn chú ý kết hợp điểm nhìn của nhiều nhân vật. Trong con mắt của Hoàng tiên sinh, Trần Thủ Độ vừa là một anh hùng, vừa là gian hùng: “Thủ Độ quả là một anh hùng, một tay gian hùng. Giỏi! Y

cực giỏi, để nghiệp chắc chắn về tay họ Trần” (Hoang, 2016, p.83). Với Trần Thị Dung, Thái Tông, Huệ Tôn, Trần Thủ Độ là một gương sáng: “Ông ấy là một người trọng nghĩa. Nhưng là một người sống mẫu mực, nghiêm chỉnh” (Hoang, 2016, p.162); “Quốc Công là bậc kì tài có một không hai trong lịch sử nước nhà mà không tự biết, hoặc không cần biết đến” (Hoang, 2016, p.416). Còn phe cánh chống đối như Nguyễn Nộn, Đào Hữu thì cho rằng Trần Thủ Độ là loại “vũ dũng vô mưu”: “Trần Thủ Độ tuy là nhà hào phú, lắm của, nhiều quân, được xem là loại vũ dũng. Nhưng y xuất thân từ đám dân chài, lại vô học, hần chỉ hùng hục như con trâu mộng húc bừa, không có gì đáng sợ” (Hoang, 2016, p.104). Cách thức luân chuyển điểm nhìn này giúp nhà văn khắc họa thành công một Trần Thủ Độ mà theo ông “không thể đồng tình với các sử gia trung đại”, “mong trả lại sự công bằng cho nhân vật lịch sử”.

Sự luân phiên điểm nhìn trần thuật cũng là một nét đặc sắc trong *Gió lửa* của Nam Dao. Người trần thuật luôn linh hoạt trao điểm nhìn cho các nhân vật để tạo ra sự đối thoại, tranh biện. Dưới con mắt của Ngô Thì Nhậm, Huệ là “một thiên tài về mặt quân sự” thỏa sức vùng vẫy. Trong mắt của Nhật, Huệ là kẻ “ngạo mạn thách thức”. Dưới cái nhìn của người kể, Huệ “từ em một tên áp trưởng buôn trà nguồn, đã trở thành phò mã vua Lê, mặc sức xoay vần cả một đế chế” (Nam Dao, 2009, p.515). Dưới cái nhìn của Thúc: “Huệ đánh được xâm lăng nhà Thanh, thì Huệ đáng làm vua” (Nam Dao, 2009, p.538). Còn Nguyễn Ánh cho rằng: Huệ là “con cọp, nó tát nó quào rồi nó bỏ đi. Còn ta trời sinh ra ta làm con sói. Ta không tát không quào, chỉ biết cắn. Nhưng khác nó, ta cắn vào con mồi rồi thì nhất định ta không nhả ra, dù trời có sập cũng vậy!” (Nam Dao, 2009, p.396)... Ở đây, các điểm nhìn được đặt cạnh nhau, bổ sung cho nhau, giúp làm rõ hơn bản lĩnh, tài năng, tầm vóc của người anh hùng Nguyễn Huệ.

Xây dựng nhân vật anh hùng từ nhiều điểm nhìn là một bằng chứng cho thấy những nỗ lực của các nhà văn trong việc cách tân tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1975. Bên cạnh điểm nhìn bên ngoài, khách quan thuộc, nhiều nhà văn đã chú ý dịch chuyển điểm nhìn vào bên trong, điểm nhìn chủ quan, giúp soi chiếu sinh động thế giới tâm hồn phức tạp của nhân vật anh hùng. Các tác giả cũng chú ý linh hoạt di chuyển điểm nhìn từ tác giả sang điểm nhìn nhân vật, góp phần khắc phục sự đơn điệu, áp đặt trong cách bộc lộ thái độ của nhà văn.

2.2. Giọng điệu trần thuật trong tiểu thuyết lịch sử sau 1975

2.2.1. Giọng điệu ngợi ca, hào sảng

Khi miêu tả nhân vật anh hùng, người kể chuyện không thể không đứng trên quan điểm dân tộc và cái nhìn của quần chúng nhân dân, trước hết là sự tôn thờ, kính trọng những vĩ nhân đã thay trời hành đạo, cứu nước, an dân. Giọng điệu ngợi ca trước hết, thể hiện qua những lời văn miêu tả chân dung nhân vật. Trong bút pháp miêu tả ngoại hình, văn xuôi viết về đề tài lịch sử vẫn tiếp thu truyền thống của truyện dân gian, của văn học trung đại thể hiện người anh hùng. Trong tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa, nhân vật anh hùng luôn là người

khác thường. Trong *Tam Quốc diễn nghĩa*, Lưu Bị có ngoại hình “mình cao bảy thước rưỡi, hai tai chảy xuống gần vai, hai tay buông khỏi đầu gối, mắt trông thấy được tai, mặt đẹp như ngọc, môi đỏ như son”. Quan Công thì “mình cao chín thước, râu dài hai thước, mặt đỏ như gấc, môi như tô son, mắt phượng mày tằm oai phong凛冽”. Trương Phi thì “mình cao tám thước, đầu báo mặt tròn, râu hùm hàm én, tiếng vang như sấm”. Trong khi đó, vị quân sư Khổng Minh có ngoại hình như tiên đồng giáng thế “mặt đẹp như ngọc, hình dáng thanh thoát như tiên”.

Trần Quốc Tuấn trong *Bão táp triều Trần* và Đức Thánh Trần toát ra vẻ đẹp tráng kiện, mạnh mẽ, có phong thái, cốt cách hơn người; hay là Nguyễn Tất Thành với vẻ đẹp như tiên đồng giáng thế trong *Búp sen xanh...* Cũng với cách thức ấy, giọng điệu ngợi ca cũng thể hiện trong lời văn viết về Nguyễn Huệ trong *Tây Sơn bi hùng truyện*: “Huệ tuy còn niên thiếu mà lưng hùm vai gấu, mặt vuông tai lớn, mắt sắc như gươm, ánh nhìn như chớp” (Le, 2006a, p.30). Và sau này khi đã lập được nhiều chiến thắng, Nguyễn Huệ lại được Lê Đình Danh phác họa: “ngồi trên bành voi, oai phong凛冽, bệ vệ uy nghi” (Le, 2006a, p.519). Hay một Nguyễn Huệ mang đầy nét đẹp hào hoa, lãng tử trong *Hoàng đế Quang Trung*:

Một chàng trai đô khỏe chưa lộ vẻ phong trần, các đường nét được sắp xếp hài hòa cân đối trên một khuôn mặt vuông vức, đầy đặn như vùng dương vươn lên với sắc hồng rạng rỡ, trông trẻ trung phơi phới và rất uy nghi trên lưng con tuấn mã (Nguyen, 2013, p.130).

Giọng điệu ngợi ca còn được nhà văn sử dụng trong miêu tả tài năng và phẩm chất của người anh hùng. Sự ngưỡng mộ được thể hiện trong những đoạn văn miêu tả người anh hùng tả xung hữu đột nơi sa trường: “Lời còn chưa dứt, Ngô Quyền đã như bay từ trên bành voi xuống lưng con bạch long câu. Ngô Quyền nắm chắc trường thương, oai phong té ngựa tiến thẳng ra phía trước” (...) “càng đánh càng hăng, đường thương vun vút, khiến Lý Trí Thuận không khỏi kinh động trong lòng” (Phung, 2019, p.32). Trong trận Bạch Đằng, hình ảnh của Ngô Quyền hiện lên oanh phong凛冽:

Ngô chủ tướng thân mang giáp trụ, lưng đeo trường kiếm lớn, đầu đội mũ đầu mâu khảm ngọc, oai phong đỉnh đặc bước lên chính giữa đàn gõ... Khi Ngô tướng quân giơ tay về bốn phía, sóng người cuộn cuộn dâng lên, những tiếng hô hét vang trời cùng chiêng trống thúc lên âm âm không dứt..., để ba quân tỏ rõ lòng muốn được đánh giặc, Ngô Quyền ra hiệu cho bốn phía cùng yên lặng mới cất tiếng sang sảng như chuông đồng. Giọng Ngô tướng quân chưa bao giờ vang ngân và xúc động đến nhường ấy (Phung, 2019, p.349-350).

Trần Quốc Tuấn trước hết là một võ tướng “giỏi mọi môn võ nghệ. Phi ngựa bắn cung, múa gươm, côn quyền cho đến cả môn võ vật truyền thống”; “Khi chàng múa giáo, tiếng gió rít lên như bão, xung quanh người chàng chỉ có những vòng tròn liên hoàn bất tận đan kín, không thấy người. Gươm giáo tên đạn bắn văng ra hết” (Tran, 2017, p.49). Không chỉ giỏi võ nghệ, Trần Quốc Tuấn còn là người có tầm nhìn xa, một thiên tài quân sự. Tài năng ấy

làm cho bọn giặc khiếp sợ: “Trần Quốc Tuấn là viên tướng tài số một của Đại Việt” (Tran, 2017, p.56). Trong con mắt của Trần Thanh Cảnh, Trần Hưng Đạo là “vị tướng nhà trời”.

Giọng ngợi ca, hào sảng chính là sự tiếp nối truyền thống sử thi khi miêu tả người anh hùng trong tiểu thuyết lịch sử giai đoạn 1945-1975. Giọng điệu này đã góp phần tạo dựng nhiều hình tượng nhân vật anh hùng trong tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1975 như những con người tuyệt đẹp, những biểu tượng về ý chí, tinh thần, trí tuệ của con người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử, mà nói như Nguyễn Trãi “tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau/ song hòa kiết thời nào cũng có”.

2.2.2. Giọng trữ tình, đắm thắm

Lịch sử dân tộc có những trang dữ dội, oanh liệt, với chiến công vang dội chống ngoại xâm, những cuộc nội chiến đẫm máu, nhưng lịch sử cũng có những trang êm đềm trong hòa bình, những khung cảnh, vùng đất, con người đầy chất thơ. Các nhà văn thường sử dụng giọng điệu trữ tình trong tiểu thuyết để miêu tả thiên nhiên, tình yêu hay những xúc động nội tâm khi xây dựng nhân vật anh hùng. Giọng trữ tình chủ yếu được dùng để đi sâu phân tích những diễn biến tinh tế, thâm kín trong tâm trạng nhân vật. Đây là đoạn văn thể hiện tình thương của người kĩ nữ với Nguyễn Trãi (*Hội thê* - Nguyễn Quang Thân):

Ông ấy yêu nàng, chăm sóc nàng như một chàng công tử tốt bụng lại hào hoa, phong nhã chẳng chút thô lậu võ tướng... Có khi ông ta khóc. Tự dưng nàng thấy thương ông ta, nàng chưa từng có chồng nhưng nàng nghĩ nếu có chồng chắc nàng cũng thương chồng mình như thế (Nguyen, 2009, p.68).

Có khi giọng điệu trữ tình lại được dùng để thể hiện những hoài niệm, nuối tiếc của Nguyễn Trãi về quá khứ: “Ôi những ngày tuyệt vời ấy đâu rồi? Thân phụ thân mẫu không còn, ông đã mất tất cả, mất hết... ông đã mất hẳn cuộc đời thanh xuân cũ, cuộc đời ông quý ông yêu biết bao vì không giấu ai, ông thừa nhận mình cũng có nhiều dự vọng bản năng của một con người nơi sơn dã và rất sung sướng khi những dự vọng ấy được thỏa mãn”. Khi thể hiện những niềm vui, nỗi buồn của người anh hùng, tác giả cũng sử dụng giọng trữ tình:

Nguyễn Trãi sung sướng vì hôm nay nhà vua đã quyết đoán nhanh chóng. Người tự ví mình với con chim ưng sáng suốt, dũng mãnh, nhưng ông thấy Người còn hơn thế. Cuộc dấy nghĩa đã đến hồi kết thúc và chính ông cũng thấy ngỡ ngàng vì quá mừng rỡ khi đoạn kết diễn ra mỹ mãn. Lòng ông nhẹ nhàng, thanh thoi và phơi phới như vừa trở về nhà sau một buổi viễn cảnh chùa (Nguyen, 2009, p.288).

Với *Hồ Quý Ly*, Nguyễn Xuân Khánh sử dụng giọng điệu trữ tình đầy cảm xúc khi miêu tả tâm trạng của Hồ Quý Ly sau khi đọc xong Minh Đạo Luận của Sử Văn Hoa: “Chao ôi! Minh Đạo! một dàn nhạc khổng lồ mà những nhạc công vẫn còn tấu lên những điệu khúc theo cách của họ” (Nguyen, 2006, p.503).

Giọng trữ tình còn được nhà văn sử dụng để miêu tả những cung bậc cảm xúc của tình yêu. Trong *Đức Thánh Trần*, hai giọng điệu chủ đạo mà nhà văn xây dựng khi miêu tả nhân

vật Trần Quốc Tuấn đó là giọng ngợi ca hào sảng và giọng trữ tình. Nếu như giọng ngợi ca với mục đích đề cao phẩm chất, vẻ đẹp của người anh hùng thì giọng trữ tình được nhà văn sử dụng để thể hiện những cảm xúc thăng hoa đến tột đỉnh trong tình yêu của Trần Quốc Tuấn. Đây là đoạn văn đầy cảm xúc miêu tả cảnh ân ái của Trần Quốc Tuấn và Quế Lan tại nương dâu bên dòng Thiên Đức:

Cả nương dâu xanh ngát bên bờ sông Thiên Đức hân hoan ca hát. Gió sông ào ạt thổi, nắng xuân nhảy nhót reo vui mừng mỗi duyên trời. Lúc họ trao mình vào nhau, một đàn chim hồng hạc thốt nhiên tự trên trời cao sà xuống mép nước. Những con linh điều đẹp đẽ vươn mình tắm rửa trên dòng nước ngọt lành của con sông. Chúng nhảy nhót gù nhau, những đôi cánh rộng lớn giang ra vẫy gọi trong vũ điệu huyền bí. Những cái cổ kiêu hãnh thon thả vươn lên mê đắm. Từ những đôi mắt hồng xinh xắn, những tiếng yêu âu yếm như tiếng thầm thì của tình yêu thần thánh thăng hoa... (Tran, 2017, p.31).

Trong *Sóng Côn mùa lũ*, tác giả cũng dùng những đoạn văn giàu chất thơ thể hiện tâm trạng Nguyễn Huệ trước thiên nhiên hoặc trước tình yêu của An: “Huệ đứng bên cửa sổ nhìn những giọt lá me vàng rơi đều, rơi đều, lòng bập bênh bồi hồi. Buổi sáng qua mau trong cảm giác bàng lảng đó của tâm hồn Huệ” (Nguyen, 2006a, p.296). Mối tình Huệ - An ở Quy Nhơn như những nốt nhạc trữ tình đan xen giữa những không gian chiến trận, thường hiện lên trong tâm trí của người anh hùng dân tộc.

2.2.3. Giọng triết lí - chiêm nghiệm

Trong tiểu thuyết lịch sử giai đoạn 1945-1975, giọng điệu chủ yếu là giọng sử thi. Nguyễn Thị Bình cho rằng: “Nếu nhìn đại thể, văn xuôi nước ta từ 1945 đến 1975 tương đối nhất quán về giọng điệu: giọng khẳng định, ngợi ca của một cái nhìn tin tưởng lạc quan bao trùm (những biến thái có thể là hào hùng, hào sảng, danh thép, vui tươi, trang nghiêm tự hào, đậm âm tin yêu)” (Nguyen, 2012, p.82). Đến giai đoạn sau 1975, với xu thế dân chủ, soi xét lại các giá trị và đi tìm kiếm các giá trị mới, tiểu thuyết lịch sử có sự gia tăng giọng triết lí, chiêm nghiệm. Giọng điệu này lên ngôi khi nhà văn muốn đối thoại, chất vấn lịch sử, rút ra các bài học từ lịch sử để định hướng cho hiện tại. Trong bài viết *Kí ức nhân loại qua con mắt của nhà văn*, Ưông Triều cho rằng: “Tôi thường viết khá nhiều về vua Trần Nhân Tông... Tôi thường tự hỏi không biết vua Trần Nhân Tông đã nghĩ gì. Đôi khi có những tình tiết hư cấu tôi lại đắn đo, không biết mình có đoán trúng ý ngài không” (Hoi, 2013, p.463).

Giọng triết lí - chiêm nghiệm thể hiện trong những suy tư của tác giả, của nhân vật anh hùng khi nghĩ về vận mệnh, tương lai của đất nước, về những bài học cần rút ra, những dự định không thể thực hiện. Đó là khi Lê Lợi tự chất vấn cái giá và mặt trái của ngai vàng khi bản thân đang ở tột đỉnh vinh quang: “Ta đang là ông vua trên chót vót đỉnh cao quyền lực hay chỉ là một kẻ khốn khổ bị tước đoạt mất cuộc đời thú vị, sung sướng, tự do mà ta nuôi tiếc?” (Nguyen, 2009, p.125-126). Hay sự chiêm nghiệm về so sánh giá trị của cung kiếm và chữ nghĩa, sách lược: “Kẻ giỏi cung đao hay công trạng nhiều lại có quyền khinh rẻ người hay chữ đến thế sao? Phải chăng đó là chuyện thường tình của mọi thời?” (Nguyen, 2009, p.128). Trong tiểu thuyết của mình, Nguyễn Quang Thân đã đặt gần như toàn cuộc khởi

nghĩa Lam Sơn vào trong những suy tư, chiêm nghiệm của Nguyễn Trãi và Lê Lợi. Nhiều trang viết như là những cuộc luận bàn về anh hùng, về nhân tình thế thái dưới hình thức tự vấn của nhân vật, đồng thời đó cũng là những tự vấn khắc khoải trong tâm tư người đọc.

Giọng triết lí, chiêm nghiệm đôi khi được nhà văn sử dụng để chất vấn lịch sử như khi Nguyễn Mộng Giác đánh giá vai trò lịch sử của các cá nhân (Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc): “Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ là những cá nhân ở đúng vào vị trí vươn lên của một thế hệ mới. Dĩ nhiên (...) có tài trí đủ để nhận lãnh vai trò lịch sử, nhưng họ không hoàn toàn chủ động. Tình thế đẩy họ tiến lên, đám đông thúc họ đứng dậy” (Nguyen, 2006a, p.375). Những con người như Nguyễn Huệ có “sự quả cảm, trầm tĩnh và thông minh thiên phú” nhưng “bước đầu họ có lúng túng với vai trò mới, họ cảm thấy bị đưa đẩy nên phải quyết định vội, nhưng dần dần quen với vai trò lịch sử, họ tự tin hơn, chính lúc đó khả năng trí tuệ của họ mới biểu lộ toàn diện để đối phó với các biến cố dồn dập, các thử thách lớn lao mà từ xưa đến nay họ chưa từng gặp phải” (Nguyen, 2006a, p.375). Nguyễn Mộng Giác không đánh giá thấp vai trò của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, nhưng ông cũng suy tư nhiều về những mầm mống của thất bại ngay khi xuất hiện cảnh “nồi da xáo thịt” giữa hai anh em Nguyễn Huệ và Nguyễn Nhạc. Trong *Sóng cồn mùa lũ*, Nguyễn Mộng Giác đã trả lời những câu hỏi ấy bằng việc dẫn ra những nguồn sử liệu, một của ta, một của người ngoại quốc, ghi lại lập trường của Nguyễn Nhạc về vấn đề Bắc Hà: “Trong cuộc hội kiến giữa Chapman và Nguyễn Nhạc năm 1778 (...) Nguyễn Nhạc cho biết ước vọng cao nhất của mình là chiếm cả giang sơn Nam Hà, từ Lũy Thầy vào đến Gia Định. Chỉ chừng ấy thôi! Trong cuộc hội kiến với vua Chiêu Thống nhà Lê tám năm sau (1786) tại kinh đô Thăng Long, Nguyễn Nhạc cũng nhắc lại điều ấy cho các quan nhà Lê nghe. Nói chuyện với dân Nghệ An, Nguyễn Nhạc cũng nhún nhường tự coi là “họ ngoại của chúa Nam Hà” (Nguyen, 2006c, p.113-114). Tác giả đã nhìn thấu lực cản lịch sử không ở đâu xa mà chính là ở người anh cả của Nguyễn Huệ: “Rõ ràng, trước sau như một, Nguyễn Nhạc chỉ muốn dừng lại bên này Lũy Thầy... Cho nên, nếu không có vụ nồi da xáo thịt thì cái cơ thống nhất cũng không thể thành tựu được”. Giọng điệu từ suy tư chuyển sang phán xét nhân danh lịch sử:

Cho nên, nếu Nguyễn Huệ xứng đáng nhận lấy vinh quang vì can đảm hi sinh cái tiểu tiết để phụng sự cái đại cuộc, thì chính Nguyễn Huệ phải một mình chịu trách nhiệm về sự yếu đuối của mình. Ông dám bất tuân lệnh vua anh vượt qua Lũy Thầy, nhưng không đủ sức mạnh ý chí và sự lạnh lùng để vượt qua cái lũy vô hình là tình máu mủ (Nguyen, 2006c, p.114).

Phải chăng sự yếu đuối của Nguyễn Huệ đã bỏ lỡ cơ hội lịch sử, sinh ra ranh giới Bến Ván và “nuôi dưỡng” di họa cho Tây Sơn:

Bến Ván! Bến Ván! Cái tên ấy sắc như một lưỡi gươm chém đứt thân thể của xứ sở, chém đứt ước vọng thống nhất của một người anh hùng dám một mình chịu đựng tất cả tai tiếng, dèm pha, đàm tiếu thực hiện cho được cao vọng của mình. Những dao động thanh toán nội bộ sau biến cố quan trọng này, tất nhiên không thể tránh khỏi. Kể tí mi làm gì những điều vụn vặt

ấy!”. Nguyễn Huệ dù bị tác giả phê phán, cũng vẫn được cảm thông: “Làm sao được! Ngoài khối óc, ông còn có trái tim nhạy cảm! (Nguyen, 2006c, p.117).

Giọng triết lí – chiêm nghiệm đôi khi còn được các nhà văn dùng để nói lên những *trăn trở, suy ngẫm của người anh hùng* về cuộc sống nhân sinh. Đó là những suy ngẫm của Nguyễn Trãi (*Đất trời*) về sự sống và cái chết: “Liều chết để tìm ra đường sống? Có thể lắm. Nhưng nếu không chỉ xuất phát từ bản năng mà là một chọn lựa thì liều chết để tìm ra đường sống lại là một nghịch lí oái oăm và thê thảm nhất của loài người” (Nam Dao, 2007, p.127); “Điều kì diệu của sự sống là trong từng cái nhỏ nhoi” (Nam Dao, 2007, p.155). Nói về tình yêu với Tổ Quốc, Nguyễn Trãi chiêm nghiệm: “Yêu một người, khó vô cùng. Yêu non sông xã tắc dễ hơn vì tình yêu đó trừu tượng. Nó được gạn lọc qua chữ nghĩa thánh hiền, biến thành một thứ thần quyền dính dấp u mê. Mà đã u mê, còn gì là ý thức. Không ý thức, làm sao có tự do?” (Nam Dao, 2007, p.306). Để tìm cách đối xử khéo léo với tên hàng xóm luôn đầy ắp dã tâm, Nguyễn Trãi (*Hội thề*) nghĩ rằng: “Muốn anh hàng xóm cơn đồ không sang đánh ta, phá nhà ta, giết lợn gà của ta thì có một cách là đi lại với y, coi y như hàng xóm. Chỉ có nước lã mới rửa được máu, lấy máu rửa máu chỉ làm bẩn mãi thêm” (Nguyen, 2009, p.274). Có khi là suy nghĩ của Nguyễn Trãi về chữ nhẫn của kẻ quân tử: “Nhẫn là quý, là sự nhường nhịn của kẻ có học trước tâm địa vô học xấu xa để một lòng cho tình thế ổn định. Nhưng nếu sống chỉ có chữ nhẫn thì rất có thể mang tiếng là kẻ hèn” (Nguyen, 2009, p.82-83).

Như vậy, để khắc họa sinh động hình tượng người anh hùng, các tác giả đã sử dụng phối hợp, linh hoạt nhiều sắc giọng: giọng ngợi ca, hào sảng, giọng trữ tình tha thiết, giọng suy tư chiêm nghiệm. Ngoài các sắc giọng chủ yếu trên, các nhà văn còn sử dụng một số giọng khác như giọng khách quan trung tính, giọng hoài niệm, xót xa, giọng hài hước, humor.

3. Kết luận

Cùng với sự đa dạng, phong phú trong loại hình nhân vật anh hùng, kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính sử và yếu tố hư cấu trong xây dựng nhân vật, tiểu thuyết lịch sử Việt Nam sau 1975 cũng có bước tiến lớn trong việc vận dụng, sáng tạo các phương pháp, thủ pháp xây dựng nhân vật. Các nhà văn cũng sáng tạo, kết hợp hài hòa nhiều thủ pháp để xây dựng nhân vật như xây dựng nhân vật qua tương mạo, chân dung bên ngoài; qua lời nói, hành động; đặc biệt là chú trọng thể hiện thế giới nội tâm với nhiều phức tạp, giằng xé, bi kịch. Các tác giả đã vận dụng linh hoạt, kết hợp, luân chuyển nhiều điểm nhìn, nhiều sắc thái giọng điệu trong thể hiện nhân vật anh hùng, đặc biệt chú trọng nhiều hơn điểm nhìn bên trong, quan tâm thể hiện thế giới nội tâm phức tạp, đầy chất người của các anh hùng. Giọng điệu thể hiện nhân vật anh hùng cũng có sự đan xen, phối hợp nhiều sắc thái, có giọng ngợi ca, hào sảng, có giọng trữ tình đậm thắm, có giọng triết lí suy tư. Đặc biệt, giọng triết lí, suy tư, chiêm nghiệm được thể hiện với mật độ cao trong nhiều tiểu thuyết.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Central Committee of Theory, Literary and Art Review (2013). *Sang tao van hoc nghe thuat ve de tai lich su* [Creative literary art on the subject of narrative history]. Hanoi: National Political Publishing House.
- Le, D. D. (2006a). *Tay Son bi hung truyen (Tap 1)* [Tay son tragic storyline (Episode 1)]. Hanoi: Cultural and Infomaiton Publishing House.
- Le, D. D. (2006b). *Tay Son bi hung truyen (Tap 1)* [Tay son tragic storyline (Episode 1)]. Hanoi: Cultural and Infomaiton Publishing House.
- Nam Dao (1999). *Gio lua* [Wind and Fire]. Canada: Poetry & Literary Publishing House.
- Nam Dao (2007). *Dat troi* [Earth and Heaven]. Danang: Da Nang Publishing House.
- Nguyen, M. G. (2006a). *Song Con mua lu (Tap 1)* [Con river flood season (Episode 1)]. Hanoi: Literary Publishing House.
- Nguyen, M. G. (2006b). *Song Con mua lu (Tap 2)* [Con river flood season (Episode 2)]. Hanoi: Literary Publishing House.
- Nguyen, M. G. (2006c). *Song Con mua lu (Tap 3)* [Con river flood season (Episode 3)]. Hanoi: Literary Publishing House.
- Nguyen, T. B. (2012). *Van xuai Viet Nam sau 1975* [Vietnamese prose after 1975]. Hanoi: University and Professional Education Publishing House.
- Hoang, Q. H. (2016). *Bao tap cung dinh* [Royal storms]. Hanoi: Literary Publishing House.
- Nguyen, T. H. (2013). *Hoang de Quang Trung* [Quang Trung King]. Hanoi: Cultural and Infomaiton Publishing House.
- Phung, V. K. (2019). *Ngo Vuong* [Ngo King]. Hanoi: Literary Publishing House.
- Nguyen, X. K. (2006). *Ho Quy Ly* [Ho Quy Ly]. Hanoi: Woman Publishing House.
- Luu, M. S. (2017). *Tran Quoc Toan* [Tran Quoc Toan]. Hanoi: Literary Publishing House.
- Nguyen, Q. T. (2009). *Hoi the* [The festival swears]. Hanoi: Woman Publishing House.
- Tran, D. S. (2004). *Tu su hoc (Tap 1)* [Science of narrative]. Hanoi: Ha Noi University of Education Publishing House.
- Tran, T. C. (2017). *Duc Thanh Tran* [His Holiness Tran]. Hanoi: Writers Association Publishing.

**A NARRATIVE VIEW AND TONE
WHEN DEPICTING A HEROIC CHARACTER
IN VIETNAMESE HISTORICAL NOVELS AFTER 1975**

*Tran Thi Nhat, Nguyen Thi Thu Hang**

Saigon University, Vietnam

**Corresponding author: Nguyen Thi Thu Hang – Email: ntthang@sgu.edu.vn*

Received: March 01, 2021; Revised: April 06, 2021; Accepted: April 24, 2021

ABSTRACT

This article examines the point of view and narrative tone in Vietnamese historical novels post 1975 on the depiction of heroic characters. From different perspectives of storytellers, authors of many novels have variedly portrayed heroic figures in history. When telling a story from a third-person point of view, the authors depict a historical hero with superior and divine appearance and charisma. He is also a threat to any enemy. When narrating from the character's inner world, narrators used semi-direct language and inner monologue. That is when narrator's mentality penetrates into the inner world, the character's torment, suffering, and restlessness. At this time, the national hero also has anger, love, and hate, even mundane; but also restlessness, passion, and longing. The flexibility and constant movement of narrative point of view contribute to the success of the authors to build heroic characters. Besides, the variation and the combination of many voices in telling the story - sometimes the voice of praise is loud, sometimes the voice is deep, and it is deeply emotional, lyrical, or philosophical, then contemplative. Through the analysis of the point of view and narrative tone, we can also see the progress of the Vietnamese historical fiction genre, the capacity, and creativity, the contributions of post-1975 writers in describing the events and historical figures.

Keywords: historical novels; heroic characters; point of view; tone